

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v tranh chấp ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các Hội thăm nhân dân:

- ## 2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V T, sinh năm 198x; địa chỉ thường trú: Đường N, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Ấp R, xã G, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn M H, sinh năm 198x; địa chỉ: Đường N, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 23/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị V T trình bày: Bà và ông Nguyễn M H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/6/2007. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, thường tụ tập tập bạn bè chơi bời, tham gia cờ bạc, đá gà, cá độ. Trong khi đó, một mình bà vừa phải lo cho 2 con vừa phải lo kinh tế gia đình, lo trả nợ thay cho ông H nên rất mệt mỏi, áp lực và mỗi khi bà góp ý thì ông H không lắng nghe, không chịu thay đổi bản thân mà còn có hành vi bạo lực với bà từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Cả hai đã nhiều lần nói chuyện cũng như gia đình ông H tạo điều kiện để thay đổi nhưng ông H còn ăn chơi nhiều hơn. Đến năm 2022, do các mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đã dọn về nhà mẹ ở Ấp R, xã G,

huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để sinh sống và hai bên cũng ly thân từ đầu năm 2022. Tuy nhiên trong thời gian ly thân, ông H không những không thay đổi bản thân mà còn thường xuyên lên mạng xã hội đăng những thông tin không đúng sự thật, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm bà lên các hội nhóm trên facebook cũng như nhắn tin đe dọa bà. Nay, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, không có sự tôn trọng bà nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống và lo cho các con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh K – sinh ngày x/x/200x và Nguyễn Minh N –sinh ngày x/x/201x. Do thời gian này bà chưa ổn định được cuộc sống, kinh tế còn khó khăn nên bà giao 02 con cho ông H nuôi dưỡng vì gia đình ông H có thể hỗ trợ kinh tế cũng như có điều kiện thuận lợi để các bé học hành, bà không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bị đơn, ông Nguyễn M H tại các bản tự khai trình bày: Ông xác nhận ông và bà T chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại gia đình ông và xảy ra rất nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, cá nhân bà T cũng gây nợ nần bên ngoài. Năm 2020, bà T ngoại tình và xin ông tha thứ sau đó xin về quê ở Ấp R, xã G, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu sinh sống. Trong khoảng thời gian ông và bà T sống ly thân, vào khoảng đầu tháng 8/2022, ông có cho con gái là bé Minh N về chơi với bà T và có gửi 5.000.000 đồng để mua đồ cho bé nhưng bà T không chăm lo cho bé mà tiêu xài số tiền này. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Minh K – sinh ngày x/x/200x và Nguyễn Minh A – sinh ngày x/x/201x. Ông đồng ý nuôi cả hai con và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị V. T có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn là ông Nguyễn M. H vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý vụ án đến tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn và theo kết quả xác minh của Công an phường M, quận Tân Bình thì bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: Đường N, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đơn. Căn cứ

theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1] Do Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải mặt nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do dù Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử và dành quyền kháng cáo cho các bên theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số x/200x, quyền số x/PM, đăng ký ngày x/x/200x tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Để xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, qua lời trình bày của nguyên đơn thể hiện bị đơn sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo kinh tế, tham gia cờ bạc gây nợ nần, ông H cũng không phụ giúp bà chăm sóc, giáo dục các con và có hành vi, lời lẽ xúc phạm đối với bà. Tại các bản tự khai, bị đơn là ông H cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế, hai bên đều tham gia cờ bạc gây nợ nần cá nhân, bà T nhiều lần ngoại tình với người khác, không quan tâm, chăm lo cho 2 con. Qua lời trình bày của cả hai bên có thể thấy quan hệ giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Cả hai đều có lỗi và vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ làm cho cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông H trình bày bà T tài nhiều lần ngoại tình nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tuy không đồng ý ly hôn nhưng ông H không những không có những động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngược lại nhiều lần lên các trang mạng xã hội xúc phạm bà làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề, không thể hòa giải. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân của hai bên đương sự trong quá trình chung sống tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình nhưng không có thông tin gì thêm. Vì vậy, từ những nhận định trên nhận thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông T đều thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày x/x/200x và Nguyễn Minh A, sinh ngày x/x/201x. Bà T đồng ý giao cả hai con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, ông H cũng đồng ý nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai con đều còn nhỏ, trẻ Minh K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với ba để thuận lợi trong việc học tập. Để ổn định nơi sinh sống, học tập của con chung cũng như phù hợp với ý kiến của hai

bên đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông H được nuôi 02 con và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông H chưa có yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị V T :

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V T được ly hôn với ông Nguyễn M H

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn M H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh K – sinh ngày x/x/200x và Nguyễn Minh A –sinh ngày x/x/201x. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi hai con cho bà Phạm Thị V T do ông Nguyễn M H chưa có yêu cầu

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị V T chịu, được căn trừ vào số tiền bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/202x/00316x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo